

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BA
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 10/02/2020

V/v “*Tranh chấp ly hôn
và nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA , TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thiện.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ca Đá Thị Linh.

Bà Pinăng Thị Nở.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Đồng - Thư ký của Tòa án nhân dân BA , tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BA , tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Ông Thành Chế Trọng Triết - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2020, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện BA , tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 42/2019/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2019 về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Pinăng TT, sinh năm 1986. (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn TC2, xã PT , huyện BA , tỉnh Ninh Thuận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Bà Đinh Thị Nhi - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Ninh Thuận. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn XM, sinh năm 1985. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn TC2, xã PT , huyện BA , tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 03/9/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án chị Pinăng TT trình bày:

Chị T và anh Nguyễn XM chung sống với nhau từ năm 2015, nhưng đến ngày 26/3/2018 hai người mới đến Ủy ban nhân dân xã PT , huyện BA làm giấy đăng ký kết hôn, sau đó hai người làm ăn sinh sống tại thôn TC2, xã PT cho đến

nay. Trong cuộc sống gia đình vợ, chồng sống với nhau không được hòa thuận thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp, hiện hai người đã sống ly thân không còn quan tâm gì đến nhau và mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, vì vậy chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với a M.

- Về con chung: Chị và a M có một người con chung là Pinăng TN, sinh ngày 30/01/2016. Nếu phải giải quyết ly hôn chị xin được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng **cháu N** và chị không yêu cầu a M phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và khoản nợ: Chị không yêu cầu Tòa án phải giải quyết.

Bà Đinh Thị Nhi là người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho chị T cũng đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 56, 81, 82 và 83 của luật Hôn nhân và gia đình giải quyết cho chị T được ly hôn với a M, đồng thời giao cháu Pinăng TN cho chị T được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, đối với các vấn đề khác chị T không yêu cầu nên không xét đến.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn XM đã trình bày:

Anh và chị Pinăng TT sống chung với nhau từ năm 2015, đến ngày 26/3/2018 hai người mới đến UBND xã PT, huyện BA làm giấy đăng ký kết hôn. Trong cuộc sống gia đình vợ, chồng có đôi lúc xảy ra cãi vã, nhưng mâu thuẫn không lớn đến nay chị T làm đơn đến Tòa án xin giải quyết việc ly hôn anh không đồng ý, đề nghị Tòa án cho hai người về đoàn tụ.

- Về con chung: Anh và chị T có với nhau một người con chung là Pinăng TN, sinh ngày 30/01/2016. Nếu phải giải quyết việc ly hôn anh đề nghị Tòa án cho anh được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng **cháu N** và anh không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và khoản nợ: Anh không yêu cầu Tòa án phải giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BA phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với đương sự chị Pinăng TT đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định. Anh Nguyễn XM chưa thực hiện đúng quyền nghĩa vụ của mình như không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không chấp hành các quyết định của Tòa án nhiều lần vắng mặt không có lý do, gây khó khăn cho quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử đã áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt a M là có căn cứ.

- Về quan hệ pháp luật: Đây là quan hệ tranh chấp ly hôn và giải quyết việc nuôi con, chị Pinăng TT và anh Nguyễn XM, hiện đang làm ăn sinh sống tại huyện BA nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện BA được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Pinăng TT và anh Nguyễn XM cùng có lời khai thống nhất, phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện hai người sống chung

với nhau vào năm 2015, nhưng đến ngày 26/3/2018 hai người mới đến Ủy ban nhân dân xã PT làm giấy đăng ký kết hôn. Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã PT ngày 26/12/2019 cho thấy, trong cuộc sống gia đình vợ, chồng sống với nhau không được hòa thuận thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp và hiện nay hai người đã sống ly thân không còn quan tâm gì đến nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã ở mức trầm trọng cuộc sống chung không thể kéo dài và chị T có yêu cầu ly hôn thì căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết cho chị T được ly hôn với a M.

- Về con chung: Chị T và a M có một người con chung là Pinăng TN, sinh ngày 30/01/2016, hiện nay **cháu** Nđang ở cùng với chị T, tại phiên tòa chị T xin được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng **cháu** N và chị không yêu cầu a M phải cấp dưỡng nuôi con. Biên bản xác minh tại địa phương cũng cho thấy hiện a M thường xuyên đi làm vắng nhà và ít khi quan tâm chăm sóc đến cháu Nguyên, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử nên giao **cháu** N cho chị T được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng theo quy định tại các điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và a M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

- Về án phí: Chị Pinăng TT là người dân tộc thiểu số sống ở xã PT là nơi có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn chị đã làm đơn xin miễn nộp tiền án phí. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, miễn toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm cho chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Ngày 03/9/2019 chị Pinăng TT làm đơn đến Tòa án huyện BA yêu cầu giải quyết cho được ly hôn với anh Nguyễn XM, Tòa án huyện BA đã áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự để thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Do a M vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, vì vậy Tòa án nhân dân huyện BA đã áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt a M là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của chị Pinăng TT, lời khai của anh Nguyễn XM, biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã PT ngày 26/12/2019 và kết quả thẩm tra tại phiên tòa cho thấy: Chị T và a M chung sống với nhau từ năm 2015, nhưng đến ngày 26/3/2018 hai người mới đến Ủy ban nhân dân xã PT làm giấy đăng ký kết hôn, sau đó hai người làm ăn sinh sống tại thôn TC2, xã PT cho đến nay. Trong cuộc sống gia đình vợ, chồng sống với nhau không được hòa thuận thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp, hiện nay hai người đã sống ly thân không còn quan tâm gì đến nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, vì vậy chị T có yêu cầu giải

quyết ly hôn với a M thì căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết cho hai người được ly hôn.

2.2 Về nuôi con chung: Chị T và a M có một người con chung là Pinăng TN, sinh ngày 30/01/2016, hiện nay **cháu** Nđang ở với chị, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị T xin được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng **cháu** N và chị không yêu cầu a M phải cấp dưỡng nuôi con chung. Quá trình xác minh tại địa phương cũng cho thấy a M thường xuyên đi làm vắng nhà và ít khi quan tâm chăm sóc đến cháu Nguyên. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu cho chị T được nuôi con là phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

2.4 Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và a M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

Bà Đinh Thị Nhì là người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho chị T cũng đồng quan điểm với đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BA và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 56, 81, 82 và 83 của luật Hôn nhân và gia đình giải quyết cho chị T được ly hôn với a M, đồng thời giao cháu Pinăng TN cho chị T được chăm sóc nuôi dưỡng theo yêu cầu của chị, đối với các vấn đề khác chị T không yêu cầu nên không xét đến.

[3] Về án phí: Chị Pinăng TT là người dân tộc thiểu số sống ở xã PT là nơi có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đã làm đơn xin miễn nộp tiền án phí. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, miễn toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm cho chị T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về quan hệ hôn nhân: Giải quyết cho chị Pinăng TT được ly hôn với anh Nguyễn XM.

- Về nuôi con chung: Giao cháu Pinăng TN, sinh ngày 30/01/2016 cho chị Pinăng TT được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh Nguyễn XM không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Không ai được quyền ngăn cản việc đi lại chăm sóc con chung.

- Về án phí: Miễn toàn bộ khoản tiền án phí ly hôn sơ thẩm cho chị Pinăng TT.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND, THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã PT ;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Thiện